

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 4 năm 2015

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Mỏ đá vôi Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020; Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000330, chứng nhận lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH đá Tân Lang;

Xét Đơn, hồ sơ của Công ty TNHH đá Tân Lang đề nghị cấp giấy phép khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng nộp ngày 04 tháng 3 năm 2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 249/TTr-STNMT ngày 21 tháng 4 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH đá Tân Lang được khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lò thiến tại mỏ Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn với các nội dung sau:

- Diện tích khu vực khai thác: 01 ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc 1, 2, 3, 4 có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác hê

toạ độ vuông góc VN2000 kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$ mũi chiếu 3° theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 kèm theo Giấy phép này.

- Cao độ mặt bằng kết thúc khai thác: +235m (cao độ theo bản đồ khu vực khai thác)
- Trữ lượng địa chất: 711.210 m³
- Trữ lượng khai thác: 550.000 m³
- Công suất khai thác: 27.000 m³/năm.
- Thời hạn khai thác: 21 năm, kể từ ngày ký Giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 01 năm.

Điều 2. Công ty TNHH đá Tân Lang có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.
2. Tiến hành hoạt động khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 Giấy phép này.
3. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo Sở Tài nguyên Môi trường Lạng Sơn kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác; thực hiện thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.
4. Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.
5. Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn vật liệu nổ; an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ Lũng Vặm và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
6. Thường xuyên kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.
7. Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; trường hợp có phát hiện mới khoáng sản khác phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn; thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường theo Giấy phép này, Công ty TNHH đá Tân Lang chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng Lạng Sơn hồ sơ thiết kế mỏ đã được phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến cho cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận: 12

- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, CT, KH&ĐT, TN&MT(3b);
- UBND huyện Văn Lãng;
- UBND xã Tân Lang, huyện Văn Lãng;
- Công ty TNHH đá Tân Lang;
- C, PVP UBND tỉnh,
các phòng: KTN, KTTH, TH-CB;
- Lưu: VT, KTN (VQK).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Vinh Quang

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký
Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn

Số đăng ký: 0.4./ĐK-KT

Lạng Sơn, ngày 24 tháng 4 năm 2015

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Duyệt





**RẠNH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC
MỎ ĐÁ VÔI LŨNG VẶM, XÃ TÂN LANG,
HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN**
*(Kèm theo Giấy phép khai thác số 14 /GP-UBND
ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$ mũi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	2441 861	433 122
2	2441 890	433 218
3	2441 804	433 268
4	2441 775	433 173
Diện tích: 01 ha		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Kiểm tra thực địa khu vực đề nghị cấp Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Vặm,
xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Để có cơ sở xem xét đề nghị của Công ty TNHH đá Tân Lang, hôm nay vào hồi 8 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 12 năm 2013, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và UBND huyện Văn Lãng, UBND xã Tân Lang kiểm tra thực địa về các vấn đề có liên quan đến khu vực đề nghị cấp Giấy phép thăm dò, khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Vặm.

I. Tham gia kiểm tra thực địa gồm:

1. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn:

- Ông: Nguyễn Hữu Trực - Trưởng phòng TNKS-ĐC.
- Ông: Đinh Hoàng Nguyên - Chuyên viên phòng TNKS-ĐC.

2. Đại diện Sở Công Thương:

- Bà: Bé Kim Luyến - Trưởng phòng kỹ thuật.

3. Đại diện Sở Văn hoá thể thao và Du lịch:

- Ông: Đỗ Trí Tú - Chuyên viên phòng nghiệp vụ văn hóa.

4. Đại diện Bộ chỉ huy quân sự tỉnh:

- Ông: Nguyễn Tiến Vượng - Phó trưởng ban tác huấn.

5. Đại diện Sở Xây dựng: (Có mời nhưng vắng mặt).

6. Đại diện UBND huyện Văn Lãng:

- Ông: Hoàng Văn Điện - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường.
- Ông: Tôn Tiến Tùng - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường.

7. Đại diện UBND xã Tân Lang, huyện Văn Lãng.

- Ông: Hoàng Văn Kiêm - Phó chủ tịch UBND xã.

8. Đại diện Công ty TNHH đá Tân Lang

- Ông: Vũ Bát Khuất - Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

II. Kết quả kiểm tra như sau:

1. Vị trí:

Đoàn kiểm tra đã nhận dạng địa hình khu vực, xác định tọa độ một số điểm đặc trưng bằng máy định vị vệ tinh GARMIN GPS khu vực đề nghị cấp giấy phép thăm dò, khai thác cho thấy:

- Điểm mỏ thuộc khu vực xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn; Phù hợp với địa hình trên bản đồ khu vực hệ VN-2000 kèm theo hồ sơ đề nghị



thăm dò, khai thác của Công ty TNHH đá Tân Lang

- Khu vực đề nghị thăm dò, khai thác có diện tích 01 ha được giới hạn trên nền bản đồ địa hình bởi các điểm khép góc I, II, III, IV theo hệ toạ độ vuông góc VN2000 kinh tuyến trục $107^{\circ}15'$, mũi chiếu 3° , trùng với khu vực 01 ha đã được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác đá vôi LVLXDTT trước đây cho Doanh nghiệp tư nhân Hoa Vĩ (*hiện nay Doanh nghiệp tư nhân Hoa Vĩ đã có Thông báo số 05/TB-DN ngày 23/7/2013 về việc giải thể doanh nghiệp*) tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 187/GP-UBND ngày 25/01/2008, hết thời hạn từ tháng 01/2011, Theo quy định tại Khoản 7 Điều 12 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản, điểm mỏ đá vôi Lũng Vặm đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 01/7/2011 nên không thuộc khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Loại khoáng sản đề nghị thăm dò, khai thác: đá vôi làm VLXDTT

3. Ý kiến của các Sở, ngành:

- Điểm mỏ nằm xa khu dân cư tập chung, trong khu vực mỏ không có các công trình đường điện, giao thông, thủy lợi, các công trình công cộng khác và đảm bảo khoảng cách an toàn nổ mìn trong hoạt động khai thác.

- Khu vực thăm dò, khai thác không ảnh hưởng đến quy hoạch kế hoạch sử dụng đất của xã, huyện và quy hoạch ba loại rừng.

- Điểm mỏ phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh; Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 03/12/2009.

- Trong khu vực mỏ không có các loại hình văn hóa như di tích lịch sử, khảo cổ học, danh lam thắng cảnh tôn giáo tín ngưỡng cần được bảo vệ.

- Liên quan đến lĩnh vực an ninh quốc phòng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh trên cơ sở kết quả kiểm tra thực địa sẽ xem xét và có ý kiến bằng Văn bản.

4. Các vấn đề liên quan khác nếu được cấp Giấy phép thăm dò, khai thác:

- Trong quá trình thăm dò, khai thác nếu có dấu hiệu, phát hiện mới về di chỉ khảo cổ, di vật, cổ vật và loại khoáng sản khác phải dừng ngay mọi hoạt động khai thác để bảo vệ và báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Phối hợp tốt với chính quyền địa phương làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thu hút lao động địa phương, giữ gìn an ninh trật tự khu vực.

- Cam kết với chính quyền địa phương về sử dụng phương tiện vận chuyển có tải trọng phù hợp với tải trọng thiết kế của hệ thống đường giao thông trên địa bàn và hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng đường giao thông hàng năm.

- Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, dự án cải tạo và phục hồi môi trường, thiết kế mỏ sau khi đã được phê duyệt.

- Thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, thuê đất hoạt động khoáng sản theo quy định; thăm dò, khai thác đúng vị trí, ranh giới được cấp

phép, cấm mốc ranh giới khu vực mỏ; đảm bảo an toàn lao động, thực hiện đúng quy chuẩn 02 về vật liệu nổ công nghiệp trong quá trình khai thác.

III. Kết luận:

Cuộc họp thống nhất điểm mỏ không nằm trong khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản và đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét cấp Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường sau khi có Văn bản chấp thuận của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

Biên bản được lập tại Văn phòng Công ty TNHH đá Tân Lang, hoàn thành vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày và đã được các thành viên trong đoàn kiểm tra nhất trí thông qua. Biên bản này được lập thành 13 bản, đánh số trang từ 1 đến 3, có giá trị như nhau gửi các bên liên quan./.

Đại diện Sở Tài nguyên và Môi Trường

Nguyễn Hữu Trực
Đại diện SVHTT&DL

Đỗ Trí Tú
Đại diện UBND huyện Văn Lang

Hoàng Văn Điện
Đại diện Công ty TNHH đá Tân Lang



Đại diện Sở Công Thương

Bé Kim Luyến
Đại diện Bộ chỉ huy quân sự tỉnh

Nguyễn Tiến Vượng
Đại diện UBND xã Tân Lang

Hoàng Văn Kiêm

Lạng Sơn, ngày 21 tháng 4 năm 2015

TỜ TRÌNH

**Về việc cấp giấy phép khai thác mỏ đá vôi Lũng Vặm,
xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020; Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020;

Xét Đơn, hồ sơ của Công ty TNHH đá Tân Lang đề nghị cấp giấy phép khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 04 tháng 3 năm 2015;

Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, kết quả như sau:

- Công ty TNHH đá Tân Lang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 4900761942, có đăng ký ngành, nghề kinh doanh "Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét...." phù hợp với quy định tại Điều 51 Luật Khoáng sản năm 2010. Để được khai thác mỏ đá vôi Lũng Vặm, Công ty đã nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác theo quy định tại Khoản 1 Điều 59 Luật Khoáng sản năm 2010. Hồ sơ gồm:

+ Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng mỏ đá vôi Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

+ Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo Quyết định phê duyệt số 01/QĐTL ngày 02 tháng 02 năm 2015 của Công ty TNHH đá Tân Lang; Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000330, chứng nhận lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh cấp cho Dự án khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

+ Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn”.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Văn bản xác nhận vốn chủ sở hữu; Văn bản xác nhận đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác có diện tích 01 ha, không nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa Thể Thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, UBND huyện Văn Lãng và UBND xã Tân Lang kiểm tra thực địa ngày 18 tháng 12 năm 2013, nhất trí đề nghị UBND tỉnh xem xét, cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; riêng với lĩnh vực quốc phòng - an ninh đã được Bộ Tư lệnh Quân khu I chấp thuận tại Công văn số 251/BTL-TaC ngày 04 tháng 3 năm 2014.

- Về vốn chủ sở hữu: Công ty đã được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam xác nhận số dư tài khoản là 1,48 tỷ đồng. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000330, chứng nhận lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2014, tổng vốn đầu tư của dự án là 4,8 tỷ đồng. Như vậy Công ty đã có vốn chủ sở hữu trên 30% tổng số vốn đầu tư của dự án.

- Về đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Mỏ đá vôi Lũng Vặm không thuộc khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Khoản 7 Điều 12 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ.

- Về việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Theo Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, với tổng số tiền được phê duyệt 1.869.380.000 đồng, nộp 11 lần; đến thời điểm đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản Công ty đã nộp lần đầu (năm 2015): 178.036.000 đồng theo Giấy xác nhận ngày 20 tháng 4 năm 2015;

Từ kết quả thẩm định trên, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh:

1. Cho phép Công ty TNHH đá Tân Lang được khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích khu vực khai thác: 01 ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc 1, 2, 3, 4 có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác hệ tọa độ vuông góc VN2000 kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$ mũi chiếu 3° theo Phụ lục kèm theo Tờ trình này.

- Cao độ mặt bằng kết thúc khai thác: +235 m (cao độ theo bản đồ khu vực khai thác)

- Trữ lượng địa chất: 711.210 m^3

- Trữ lượng khai thác: 550.000 m^3

- Công suất khai thác: 27.000 m³/năm.
- Thời hạn khai thác: 21 năm, kể từ ngày ký Giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 01 năm.

2. Công ty TNHH đá Tân Lang có trách nhiệm:

- Nộp lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

- Tiến hành hoạt động khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo Sở Tài nguyên Môi trường Lạng Sơn kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác; thực hiện thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

- Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn vật liệu nổ; an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ Lũng Vặm và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Thường xuyên kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

- Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; trường hợp có phát hiện mới khoáng sản khác phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn; thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đát đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Công ty TNHH đá Tân Lang;
- Lưu: VT, KS.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Duyệt

UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



PHỤ LỤC
RẠNH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI LŨNG VĀM,
XÃ TÂN LANG, HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Tờ trình số: 249/TTr-STNMT ngày 21/4/2015
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$ mũi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	2441 861	433 122
2	2441 890	433 218
3	2441 804	433 268
4	2441 775	433 173
Diện tích: 01 ha		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 3 tháng 3 năm 2015



ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

Doanh nghiệp: Công ty TNHH Đá Tân Lang.

Trụ sở tại: Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0979850659 ;

Giấy đăng ký kinh doanh số 4900761942, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp 20 tháng 06 năm 2013.

Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000330 chứng nhận lần đầu ngày 28/11/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lạng Sơn cấp cho dự án khai thác đá vôi làm VLXD TT mỏ Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn của Công ty TNHH Đá Tân Lang.

Báo cáo thăm dò khoáng sản đá vôi làm VLXDTT tại mỏ Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt theo Quyết định số 1075 /QĐ-UBND, ngày 11 tháng 07 năm 2014.

Đề nghị được cấp phép khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn:

- Diện tích khu vực khai thác: 1,0 ha, được giới hạn bởi các điểm góc: 1, 2, 3 và 4 có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác kèm theo.
- Trữ lượng địa chất: 711.210 m³.
- Trữ lượng khai thác: 550.000 m³.
- Thân khoáng: lộ thiên.
- Công suất khai thác: 27.000 m³/năm đá nguyên khối.
- Mức sâu khai thác: +235m.
- Thời hạn khai thác: 21 năm, kể từ ngày ký giấy phép.
- Mục đích sử dụng khoáng sản: khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

Công ty Công ty TNHH Đá Tân Lang cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Công Ty TNHH Đá Tân Lang



GIÁM ĐỐC
Vũ Bát Khuất

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Số: 1075/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày 11 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt trữ lượng mỏ đá vôi Lũng Vặm
xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 09/GP-UBND ngày 28/3/2014 của UBND tỉnh cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đá Tân Lang;

Xét hồ sơ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đá Tân Lang đề nghị phê duyệt trữ lượng mỏ đá vôi Lũng Vặm xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, nộp ngày 22/5/2014; hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung nộp ngày 08/7/2014;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 255/TTr-STNMT ngày 09/7/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi trong “Báo cáo kết quả thăm dò mỏ đá vôi Lũng Vặm xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn” với nội dung sau:

1. Khoáng sản chính: Tổng trữ lượng cấp 121+122 là 711.210 m³, trong đó: Cấp 121 là 222.533,5 m³; Cấp 122 là 488.676,5 m³.

2. Khoáng sản đi kèm: Không có.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập báo cáo nghiên cứu

khả thi về khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Văn Lãng; Chủ tịch UBND xã Tân Lang, huyện Văn Lãng; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đá Tân Lang và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Số: 1751/Quyết định
Ngày: 08/9/2014

Nơi nhận: 13

- Như Điều 3;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT (03b), XD, CT;
- CPVP, KTN;
- Lưu: VT, VQK.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Vinh Quang

PHÒNG TƯ PHÁP H.VĂN LÃNG
P TRƯỞNG PHÒNG



Hoàng Văn Thiện

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Số: 227/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án "Đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn"

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 29/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 33/TTr-STNMT ngày 06/02/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn" được lập bởi Công ty TNHH Đá Tân Lang (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Phạm vi của Dự án:

Phạm vi Dự án: Dự án được thực hiện tại thôn Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn; với tổng diện tích sử dụng đất khoảng: 1,65 ha (trong đó khu vực khai thác mỏ có diện tích 1,00 ha; khu vực mặt bằng sân công nghiệp và các công trình phụ trợ 0,65 ha).

1.2. Công suất của Dự án: 27.000 m³ đá nguyên khối/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Tuân thủ đúng những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành.

2.2. Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai Dự án: Thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường; thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải rắn thông thường; trường hợp chất thải có yếu tố nguy hại phải tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại ra môi trường xung quanh.

2.3. Tiến hành quan trắc, giám sát môi trường theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và gửi báo cáo kết quả quan trắc, giám sát môi trường về Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn (02 lần/năm); chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Các công trình xử lý và bảo vệ môi trường phải có thiết kế chi tiết và xây dựng các công trình này theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được phê duyệt.

3.2. Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và các sự cố khác trong quá trình vận hành dự án; thực hiện những quy phạm kỹ thuật khác có liên quan đến hoạt động của Dự án.

3.3. Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra các sự cố môi trường do triển khai Dự án.

Điều 2. Phê duyệt nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án nêu trên với một số nội dung cụ thể sau:

1. Phương án cải tạo phục hồi môi trường: Tháo dỡ các công trình, di chuyển thiết bị ra khỏi khu vực khai thác, cải tạo mặt tầng, sườn tầng đảm bao yêu cầu an toàn kỹ thuật, cải tạo hệ thống thoát nước trong mỏ, san lấp hố lảng, cải tạo khu vực tuyến đường, san gạt mặt bằng, phủ đất trồng cây xanh, sau đó làm các thủ tục bàn giao mặt bằng cho chính quyền địa phương.

2. Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

2.1. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 216.698.000 đ (*Hai trăm mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng*).

2.2. Số lần ký quỹ: 21 lần.

2.3. Số tiền ký quỹ lần đầu là: 32.505.000 đ (*Ba mươi hai triệu, năm trăm linh năm nghìn đồng*). Việc ký quỹ lần đầu được thực hiện trước khi đưa mỏ đi vào khai thác 30 (ba mươi) ngày.

2.4. Số tiền ký quỹ hàng năm (từ năm thứ 02 đến năm thứ 21) là: 9.209.000 đ (*Chín triệu, hai trăm linh chín nghìn đồng*). Thời điểm ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 30 tháng 01 của năm ký quỹ.

2.5. Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Chủ Dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 và khoản 3, Điều 1 của Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.

4. Cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

5. Thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định tại khoản 2, Điều 2 Quyết định này.

6. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

Điều 4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các khoản tại Điều 1 và Điều 2 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Điều 5. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư Dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 6. Ủy nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn thực hiện kiểm tra, giám sát và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

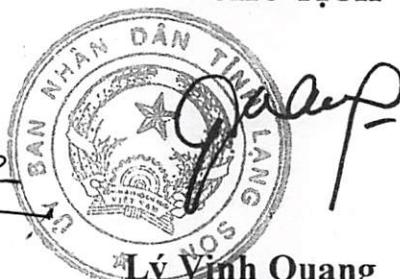
Điều 7. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Văn Lãng; Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn; Giám đốc Công ty TNHH Đá Tân Lang và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Noi nhận: 12

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (04b);
- UBND huyện Văn Lãng;
- UBND xã Tân Lang, h. Văn Lãng;
- CPVP, KTN;
- Chủ Dự án (02b);
- Lưu: VT, VQK.

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Vinh Quang

Lô Đức Lộc



200

Số: /TCB-LSN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

—oo—

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 09 năm 2014

Kính gửi: CÔNG TY TNHH ĐÁ TÂN LANG

Địa chỉ: Núi Lũng Vặm, Tân Lang, Văn Lang, tỉnh Lạng Sơn

- Căn cứ đề nghị của Quý công ty ngày 30 tháng 08 năm 2014

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam Chi nhánh Lạng Sơn

Địa chỉ tại: 89 Trần Đăng Ninh, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Do Ông/ Bà: **Hồ Đức Mạnh** Chức vụ: Giám đốc chi nhánh

làm đại diện theo Giấy ủy quyền số 0015373 ngày 26/12/2011 của
Tổng giám đốc Techcombank

Điện thoại: 0253.713968 Fax: 0253.713986

Sau khi xem xét hồ sơ, chúng tôi xin phúc đáp như sau :

Trong trường hợp dự án: “Đầu tư khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực núi Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lang, tỉnh Lạng Sơn” của Quý Công ty được Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận đầu tư đồng thời TECHCOMBANK thẩm định, đánh giá dự án khả thi, có hiệu quả và Quý công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện tín dụng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, của TECHCOMBANK thì chúng tôi cam kết thu xếp tài chính với số tiền tối đa là: 3,432,481,812 VNĐ (*Ba tỷ bốn trăm ba mươi hai triệu bốn trăm tám mươi một nghìn tám trăm mười hai đồng*) để công ty thực hiện dự án trên.

Trân trọng.

**NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH LẠNG SƠN**

Nơi gửi:

- Như kính gửi;
- Lưu TD.



GIÁM ĐỐC
Hồ Đức Mạnh

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 4900761942

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 06 năm 2013

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐÁ TÂN LANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Lũng Văm, Xã Tân Lang, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Điện thoại: 0979 850 659

Fax:

Email:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810 (Chính)
2	Khai thác và thu gom than cúng	0510
3	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
4	Khai thác và thu gom than non	0520
5	Khai thác quặng sắt	0710
6	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

4. Vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba tỷ đồng

5. Vốn pháp định

6. Danh sách thành viên góp vốn



STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	VŨ ĐỨC HÙNG	Số 4A/336, phố Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	615.000.000	20,50	030773293	
2	VŨ BẤT KHUẤT	Số 23 khu 5, Thị trấn Na Sầm, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	1.500.000.000	50,00	080941238	
3	NÔNG TRIỆU VĨ	Thôn Bó Cứng, Xã Tân Lang, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	385.000.000	12,83	081020134	
4	VY TIẾN PHƯƠNG	Số 493 đường Trần Đăng Ninh, Xã Hoàng Đồng, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	500.000.000	16,67	080837669	

7. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Họ và tên: VŨ BẤT KHUẤT

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 30/12/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số: 080941238

Ngày cấp: 10/07/2007

Nơi cấp: Công an tỉnh Lạng Sơn

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 23 khu 5, Thị trấn Na Sầm, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 23 khu 5, Thị trấn Na Sầm, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

8. Thông tin về chi nhánh

9. Thông tin về văn phòng đại diện

10. Thông tin về địa điểm kinh doanh



TRƯỞNG PHÒNG



TRƯỞNG PHÒNG

Lê Đức Lộ



Thán Văn Lợi

CHUNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 199 Ngày: 02/01/2015
quyền: 01
Ngày: 02/01/2015

CÔNG TY
TNHH ĐÁ TÂN LANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc

Số: 01/QDTL

Lạng Sơn, ngày 2 tháng 2 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY TNHH ĐÁ TÂN LANG

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm VLXD TT tại mỏ Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010.

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về lập, thẩm định và phê duyệt Thiết kế mỏ, Dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm VLXD TT tại mỏ Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn” với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Dự án: Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm VLXD TT tại mỏ Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.
2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đá Tân Lang.
3. Tên tổ chức lập Dự án, tên Chủ nhiệm Dự án.
 - Tổ chức lập Dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn Mỏ.
 - Chủ nhiệm Dự án: Kỹ sư khai thác Lê Hoàng.
4. Tên tổ chức tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở: Sở Xây Dựng tỉnh Lạng Sơn.
5. Tên tổ chức lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Công ty CP Tư vấn Mỏ.

6. Mục tiêu đầu tư.

- Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường đáp ứng nhu cầu xây dựng trong tỉnh và các vùng lân cận.
- Tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.
- Góp phần tăng ngân sách nhà nước.
- Thúc đẩy phát triển kinh tế của xã Văn Lang nói riêng và của tỉnh Lạng Sơn nói chung.

7. Nội dung và quy mô đầu tư.

7.1. Trữ lượng, công suất thiết kế, tuổi thọ mỏ.

- Trữ lượng khai thác: 550.00 m³ nguyên khối.
- Công suất khai thác: 27.000 m³ đá nguyên khối/năm.
- Thời hạn khai thác: 21 năm, kể từ ngày ký giấy phép. Trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là: 1 năm.

7.2. Mở vỉa và chuẩn bị khai trường.

- Vị trí mỏ mỏ được xác định ở phía Nam khu mỏ từ cao độ +283m..
- Hệ thống khai thác mỏ đá núi Lũng Vặm là khai thác theo lớp xiên cắt tầng nhỏ, từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong nhận đá dưới chân núi.

7.3. Hệ thống khai thác.

Các thông số của hệ thống khai thác:

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng khai thác	H _t	m	5
2	Chiều cao tầng khi kết thúc	H _k	m	10
3	Góc nghiêng sườn tầng khai thác	α _t	độ	75
4	Góc nghiêng sườn tầng khi kết thúc	α _{kt}	độ	73
5	Góc nghiêng bờ mỏ khi kết thúc	γ _{kt}	độ	64
6	Góc nghiêng bờ công tác	φ _{ct}	độ	53
7	Chiều rộng đai bảo vệ	b _v	m	2

7.4. Công tác xúc bốc và vận tải trong mỏ.

- Dự án sử dụng máy xúc thủy lực gầu ngược dung tích gầu E= 0,8 m³.
- Đá sau khi nổ mìn rơi xuống chân tuyển sẽ được máy xúc thủy lực gầu ngược xúc lên ô tô trọng tải 10 tấn vận tải về trạm đập.

7.5. Thải đất đá.

- Đặc thù của mỏ đá làm VLXDDTT, đối tượng để khai thác chính là đá. Do vậy, công việc thải đất đá trong quá trình khai thác đá làm VLXDDTT thường không có, tuy nhiên trong quá trình khai thác tùy thuộc điều kiện cụ

thể của mỏ ta vẫn phải bóc đất phủ, loại bỏ đá không đủ tiêu chuẩn làm VLXDDTT. Đó có thể coi là đất, đá thải, tuy nhiên nó vẫn có giá trị làm vật liệu san lấp cho các công trình công nghiệp và dân dụng. Theo tài liệu địa chất mỏ đá vôi núi Lũng Vặm, trong diện tích tiến hành khai thác, các đá gốc lộ ra liên tục, không có sản phẩm phong hoá không dùng được trong sản xuất vật liệu nên khối lượng đất bốc trong diện tích mỏ có một phần rất nhỏ, khối lượng đất phủ này sẽ được sử dụng để thi công các hạng mục trong thời kỳ xây dựng cơ bản. Do vậy, trong dự án không bố trí bãi thải đất đá.

7.6. Tháo khô và thoát nước.

Khi kết thúc khai thác khu mỏ, đáy khai trường nằm trên mức xâm thực địa phương, nên không chịu ảnh hưởng của nước ngầm chảy vào mỏ, nước chảy vào mỏ chủ yếu là nước mưa. Khoảng $100\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

Qua kết quả trên cho thấy lượng nước chảy vào mỏ không đáng kể. Lượng nước mưa này chảy tràn trên sườn dốc và được thu về nơi thu nước. Khi khai thác ở khu vực nào thì nước mưa chảy vào khu vực đó nên thực tế lượng nước chảy vào moong khai thác sẽ nhỏ hơn kết quả tính toán trên. Để tháo khô lượng nước chảy vào mỏ, biện pháp tốt nhất là bố trí hợp lý công trình khai thác mỏ và cần có mương thoát nước nối liền đáy công trình khai thác với dòng chảy trên mặt ở địa hình trũng thấp ra hệ thống hò lăng, tại đây các cặn và vật chất cũng được lắng đọng, sau đó nước được cho thoát ra hệ thống thoát nước chung của vùng phía đông, bắc khu mỏ và vào bể lắng cặn và xử lý trước khi được thải ra hệ thống thoát nước chung của vùng và ra sông suối lân cận.

7.7. Cung cấp điện, nước và thông tin liên lạc.

- Để cung cấp điện cho các phụ tải cho mỏ công ty đã đầu tư một máy biến áp 320KVA.

- Nước phục vụ cho hoạt động của mỏ đá vôi núi Lũng Vặm chủ yếu là cung cấp nước sinh hoạt cho 27 người trên mỏ. Ngoài ra còn một số lượng phục vụ cho công tác chữa cháy, tưới đường. Tổng lượng nước cung cấp cho toàn mỏ là $7,5 \text{ m}^3/\text{ng.đêm}$

- Khi mỏ đi vào hoạt động nhất thiết phải đầu tư hệ thống thông tin liên lạc nội bộ và hệ thống liên lạc ra bên ngoài khu vực mỏ.

7.8. Công nghệ chế biến khoáng sản.

Công nghệ sản xuất đá qua các công đoạn phân loại và nghiền trung gian.

7.9. Vận tải ngoài.

Khu vực mỏ có điều kiện giao thông rất thuận lợi về đường bộ. Cách khu vực mỏ về phía Tây, Tây Nam khoảng 500m có quốc lộ 4A - là huyết mạch giao thông của khu vực, nối liền với quốc lộ 1A.

Nhìn chung hệ thống giao thông của khu vực thăm dò khá thuận lợi, tuy nhiên vào mùa mưa, đường lầy lội cần tu bổ nâng cấp hệ thống đường từ khu mỏ ra đến quốc lộ 4A để vận chuyển máy móc, thiết bị và sản phẩm tiêu thụ dễ dàng hơn.

7.10. Công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ trong mỏ.

- Thực hiện đúng theo nội quy công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.

8. Địa điểm xây dựng: Tại khu vực núi Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn Lang, tỉnh Lạng Sơn9.

Tổng diện tích sử dụng đất: 1,65 Ha.

Trong đó:

+ Diện tích khai trường khai thác: 1 ha

+ Diện tích khu văn phòng các công trình phụ trợ: 0,65 ha

10. Công tác bảo vệ môi trường.

Công ty thực hiện đúng các công tác bảo vệ môi trường và cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác theo đúng nội dung báo cáo đã được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt.

11. Liệt kê đồng bộ thiết bị chính và hạng mục công trình xây dựng phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ.

- Thiết bị khai thác, vận chuyển và chế biến:

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số Lượng
1	Hệ thống trạm nghiên công suất 80 tấn/giờ	Chiếc	01
2	Máy khoan đường kính 46mm	-	03
3	Máy khoan đường kính 32mm	-	02
4	Máy nén khí công suất 7m ³ /phút	-	03
5	Máy xúc thuỷ lực gầu ngược dung tích 0,8m ³	-	01
6	Máy gặt công suất 100CV	-	01
7	Máy xúc lật dung tích gầu 2,5m ³	-	01
8	Ô tô tự đổ trọng tải 10 tấn	-	02
9	Trạm biến áp công suất 320 KVA	-	01

- Các hạng mục phụ trợ:

+ Khu nhà điều hành bao gồm các hạng mục như: Nhà hành chính, nhà ăn ca,

+ Khu chế biến bao gồm các hạng mục công trình: khu sàng tuyển, khu chứa sản phẩm.

+ Một số công trình phụ trợ khác: Hò lăng, trạm biến áp, nhà bảo vệ ...

12. Tổng mức đầu tư của Dự án: 4.816 triệu đồng.

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng: 1.292 triệu đồng.

+ Chi phí thiết bị: 2.705 triệu đồng.

+ Chi phí quản lý, tư vấn và chi phí khác: 381 triệu đồng.

+ Chi phí đền bù, GPMB: 80 triệu đồng

+ Chi phí dự phòng: 438 triệu đồng.

+ Nguồn vốn: Vốn vay thương mại (70%) và vốn tự có (30%)

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay thương mại (70%) và vốn tự có (30%)

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

15. Thời gian thực hiện dự án: 21 năm.

Điều 2: Việc triển khai thực hiện:

1. Quản lý và tổ chức công tác XDCB, khai thác mỏ đúng phương án đã được phê duyệt và theo quy định tại các văn bản pháp luật liên quan khác.

2. Thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong khu vực khai thác khoáng sản và theo quy định tại các văn bản pháp luật liên quan khác.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Các phòng, ban trong Công ty căn cứ Quyết định thi hành khi được phép của cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Các cơ quan liên quan;

- Lưu: Vp, Kh

TM.BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
Võ Bát Khuất